TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST Ngày 18-09-2025 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Công Tồn

Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy
Ông Nguyễn Văn Tuyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Đại Bình - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Gia Lai tham gia phiên tòa:*** Ông Đào Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2025, về tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trần Văn B, sinh năm 1970; địa chỉ: Làng N, xã C, thành phố P, tỉnh Gia Lai (nay Làng N, phường A, tỉnh Gia Lai). *Có mặt.*

- *Bị đơn*: Bà Hoàng Thị Kim Q, sinh năm 1985; địa chỉ: Làng N, xã I, thành phố P, tỉnh Gia Lai (nay là Làng N, xã G, tỉnh Gia Lai). *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 11-03-2025; bản tự khai ngày 16-03-2025 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Trần Văn B trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Hoàng Thị Kim Q chung sống với nhau từ năm 2018 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, thành phố P, tỉnh Gia Lai (cũ) ngày 21-09-2018. Thời gian đầu sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân giữa ông và bà Hoàng Thị Kim Q hạnh phúc. Sau đó, bà Hoàng Thị Kim Q hay uống rượu, bia và đánh đập con và bỏ nhà đi. Ông và bà Q nhiều lần hàn gắn nhưng vợ ông không thay đổi lối sống và cách dạy dỗ con. Do vậy, ông nhận thấy ông và

bà Hoàng Thị Kim Q không thể chung sống với nhau được nữa. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Hoàng Thị Kim Q.

Về nuôi con chung: Ông và bà Hoàng Thị Kim Q có 01 con chung là cháu Trần Hoàng T, sinh ngày 05-05-2018. Ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trần Hoàng T cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Ông Trần Văn B không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2. Quá trình giải quyết vụ án, bà Hoàng Thị Kim Q có bản khai ngày 06 tháng 8 năm 2025, trình bày bà và ông Tràn Văn B1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, thành phố P, tỉnh Gia Lai (cũ) ngày 21-09-2018. Nay ông B1 xin ly hôn bà, bà đồng ý không có ý kiến gì. Về con chung, bà và ông B1 có 01 con chung là cháu Trần Hoàng T, sinh ngày 05-05-2018. Ly hôn bà đồng ý giao cháu Trần Hoàng T cho ông Trần Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Về cấp dưỡng nuôi con, ông Trần Văn B không yêu cầu bà đồng ý. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Đồng thời, bà có đơn xin vắng mặt đề ngày 06-08-2025, đề nghị Tòa án cho bà vắng mặt tại các phiên họp, hòa giải và tại phiên tòa khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử. Các nội dung trình bày trong bản khai đã nộp cho Tòa án bà vẫn giữ nguyên không có ý kiến gì khác.

3. Tại phiên tòa ông Trần Văn B trình bày cuộc sống chung hai vợ chồng giữa ông và bà Hoàng Thị Kim Q không thể tiếp tục chung sống được nữa, tình cảm vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, bà Q đã chuyển về sống cùng gia đình của bà đã nhiều năm nay rồi, nên ông vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn bà Hoàng Thị Kim Q và được nuôi con chung là cháu Trần Hoàng T.

4. Tại Biên bản lấy ý kiến của con chung ngày 20-08-2025, cháu Trần Hoàng T, sinh ngày 05-05-2018, địa chỉ: Làng N, xã C, thành phố P, tỉnh Gia Lai (nay là Làng N H Yơn, phường A, tỉnh Gia Lai) là con của của bố Trần Văn B và mẹ Hoàng Thị Kim Q có nguyện vọng được sống cùng với bố là ông Trần Văn B khi bố, mẹ ly hôn vì lâu nay chỉ có bố chăm sóc.

5. Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; người tham gia tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 85 và Điều 86 của Luật Hôn nhân và gia đình; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn B được ly hôn với bà Hoàng Thị Kim Q.

- Về con chung: Giao con chung là Trần Hoàng T, sinh ngày 05 tháng 05 năm 2018 cho ông Trần Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục cho đến khi con thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động hoặc không có tài sản tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Văn B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Văn B không yêu cầu, nên không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ Điều 146, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Trần Văn B là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Pleiku giải quyết ly hôn đối với bà Hoàng Thị Kim Q, là quan hệ tranh chấp theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại xã I, thành phố P (nay là xã G), tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai có thẩm quyền thụ lý, giải quyết theo quy định tại Điều 35 của Luật số 85/2025/QH15 ngày 25-06-2025 của Quốc Hội, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn bà Hoàng Thị Kim Q có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 06-08-2025, xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa khi Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn B và bà Hoàng Thị Kim Q chung sống với nhau từ năm 2018 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, thành phố P, tỉnh Gia Lai (cũ) ngày 21-09-2018. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Văn B và bà Hoàng Thị Kim Q là hợp pháp.

[5] Trong thời gian chung sống giữa ông Trần Văn B và bà Hoàng Thị Kim Q phát sinh mâu thuẫn không thể hòa giải được, nguyên nhân là bà Hoàng Thị Kim Q hay uống rượu, bia và đánh đập con và thường xuyên bỏ nhà đi. Ông và bà Q nhiều lần hàn gắn nhưng vợ ông là bà Q không thay đổi lối sống và cách dạy dỗ con. Bà Q đã chuyển về nhà bố mẹ mình tại Làng N, xã I, thành phố P, tỉnh Gia Lai (nay là Làng N, xã G, tỉnh Gia Lai) để sinh sống đã hơn 3 năm nay. Hiện nay, ông và bà Q không còn ai quan tâm đến nhau, bỏ mặc nhau người nào chỉ biết bổn phận người đó. Ông nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn

nhân không đạt được, không thể quay về chung sống với nhau được nữa. Tại phiên tòa ông Trần Văn B xác định tình cảm của ông đối với bà Hoàng Thị Kim Q không còn yêu thương, quý trọng nhau nữa, nên ông Trần Văn B yêu cầu ly hôn với bà Hoàng Thị Kim Q.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án bà Hoàng Thị Kim Q có đơn xin vắng mặt tại các phiên họp, hòa giải và tại phiên tòa, tuy nhiên bà có bản khai đề ngày 06-08-2025 nộp cho Tòa án trình bày nay ông B xin ly hôn bà, bà đồng ý không có ý kiến gì. Do đó, có cơ sở khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn B ly hôn bà Hoàng Thị Kim Q theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[7] Về nuôi con chung: Ông Trần Văn B và bà Hoàng Thị Kim Q có 01 con chung là cháu Trần Hoàng T, sinh ngày 05-05-2018. Ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con Trần Hoàng T. Tại bản khai và đơn xin giải quyết vắng mặt, bà Hoàng Thị Kim Q đồng ý giao cháu Trần Hoàng T cho ông Trần Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cháu Trần Hoàng T có nguyện vọng được sống cùng với ông Trần Văn B sau khi bố mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo sự chăm sóc trực tiếp và môi trường phát triển tốt nhất cho cháu T, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giao con chung của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[8] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Văn B và bà Hoàng Thị Kim Q không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Xét thấy, tại phiên tòa việc nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[9] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Văn B và bà Hoàng Thị Kim Q không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Ông Trần Văn B là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 35 của Luật số 85/2025/QH15 ngày 25-06-2025 của Quốc Hội, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

- Áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn B.

1. Về hôn nhân: Cho ông Trần Văn B ly hôn bà Hoàng Thị Kim Q.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Trần Hoàng T, sinh ngày 05-05-2018 cho ông Trần Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động hoặc không có tài sản tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng cho con.

3. Về án phí: Ông Trần Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 001314 ngày 17-03-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai (cũ). Ông Trần Văn B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 7 - Gia Lai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- UBND xã Chư Á, thành phố Pleiku (nay là phường An Phú), tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Phan Công Tồn